



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : ☐ Yes, ☐ No

EXIT VISA: ☐ Yes ☐ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGO NGON HANH
Last Middle First
- Current Address 52/5B Hai Bà Trưng Thủ Đức Một Sông Bé VN
- Date of Birth 8.31.1942 Place of Birth Thủ Đức Một VN
- Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 5.3.75 To 3.2.82
(7Y)
3. SPONSOR'S NAME: TONY HOANG
Name
- Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Ngô Văn Hân
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 Ngô Thị Bạch Tuyết	1965	Wife
2 Ngô Thị Phương Mai	1972	daughter
3 Ngô Quang Minh	1973	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

TO : THUC KINH THU
PO BOX 5454 Arlington
Va 22203 - 0535 U.S.A

Date July 26 - 1988

SUBJECT : Request for immigration to the United states of America
Under the Orderly Departure Program.

Dear Sir.

I the undersigned : NGO NHON HANH
Date of birth : August 31/1942 phu cuong Thudaumot
Nationality : Vietnamse
Sex : Male
Marital status : Married
Home address : 52/5B Hai Ba Trung Phuong Phu cuong
thudaumot, Song be Vietnam
Education : Graduated from senior high School, south
Vietnam (Tu Tai 2)
Before April 1975 : Officer
Last rank : Captain
Military serial : /# 62/137618
Grade/ Title : training officer infantry Thuduc
(Political warfare)
Unit : Battalion 353 Sub Sector Binh duong
Reeducated in concentration campo from : may 3 - 1975 in Hanoi
Released from : March 2 - 1983

De to my difficulty of my situation and based on the
authority of your organizations and the spirit of humanitarian act
I wish to request your assistance and intervention with the
government of the socialist Republic of Vietnam in order that my
family and I as listed below, may the authorized to leave Vietnam
under your arrangement and protection under the C.D.P to immigrate
to the United states for the purpose of seeking a new life.

Following are my relativier to be accompanied me to the
U.S.A

FULL NAME	Date of birth	Relationship	A dressi in VN
1. NGUYEN THI BACH TUYET	May 14/1945	my wife	52/5B Hai ba trung group 63 sector
2. NGO THI PHUONG MAI	March 25/1972	my daughter	10 phu cuong thudaumot Songbe
3. NGO QUANG MINH	June 13/1973	my son	same above

Your consideration on the above to help me to through your humani-
tarian act will be highly appreciated.

Respectfully yours


NGO NHON HANH

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QT.G, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại Thanh Liêm

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số GRT

00157802012

SHSLB

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định tha số 179 ngày 10 tháng 12 năm 1982 của TOÀN QUỐC

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN VĂN LÂN Sinh năm 1942

Các tên gọi khác Nguyễn Văn Lan

Nơi sinh thủ công, châu thành, thủ đức

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 52/5 Trưng vương, thủ đức 1, công lộ

Can tội Đại úy đại đội trưởng công vụ

Bị bắt ngày 2/5/1975 Án phạt 3 năm tù

Theo quyết định, án văn số 0 ngày 1 tháng năm của HỘI LÃNH ĐẠO

Đã bị täng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 52/5 Trưng vương, thủ đức 1, công lộ

Nhận xét quá trình cải tạo

Đu täng - An tâm cải tạo, chưa có biểu hiện tái phạm

Lao động - Chăm liệu, mức khoán đạt bao.

Học tập - Tham gia đều.

Nội quy - Chưa có vi phạm, 1 lần.

Đương sự phải trình diện tại UBND phường, xã Trưng vương

Trước ngày 15 tháng 3 năm 19 83

Lưu tay, ngón trỏ phải

Của NGUYỄN VĂN LÂN

Đánh dấu số 20/3

Lập tại QUẬN PHÚC

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Thanh

Ngày 02 tháng 3 năm 1982



Đã nhận
Đã về C' tỉnh đèo
Tm' địa Fung.

Ngày 07/03/15
Tm/CS Phú Cường
AB.

Handwritten signature

John van Láp



AB/SV/12

170 NHA 1911
lc
AB



Handwritten signature

QUESTIONNAIRE FOR OIF APPLICANTS

CHẤM NHÌN CHO NGƯỜI MẬP MƯN

Date :

Ngày :

A. Basic Identification Data

Lý lịch căn bản

1. Name
Họ Tên : **NGÔ NHƠN HẠNH**
2. Other Names
Họ, Tên khác : **Ngô nhơn Hạnh**
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : **31-8-1942 Phú Cường Thủ Đức một**
4. Residence Address
Địa chỉ thường trú : **52/5 B đường Hai Bà Trưng Tổ 63 Khu 10 Thị xã Thủ Đức một
Tỉnh Sông Bé**
5. Mailing Address
Địa chỉ thư từ : **52/5 B Hai Bà Trưng Tổ 63 Khu 10 Thị xã Thủ Đức một
Tỉnh Sông Bé**
6. Current Occupation
Nghề nghiệp : **công nhân**

B. Relatives To Accompany Me

Hà cùng đi với tôi

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (M) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú ý : Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn và thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm Sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Giới	M Tình trạng gia đình	Relationship Liên hệ gia đình
1. Nguyễn Thị Bạch Tuyết	14.5.1945	Cố Công	Nữ	Đã lập gia đình	vợ
2. Ngô Thị Phụng Mai	25-3-1972	Thủ Đức một	Nữ	Độc thân	con
3. Ngô Quang Minh	13-6-1973	Thủ Đức một	Nam	Độc thân	con
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification card (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú ý : Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy kết hôn (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam

Hà đang ở ngoài Quốc

1. Closest Relative In the U.S.
Người thân thuộc nhất Hoa Kỳ : **TONY HOANG**
 - a. Name
Họ, Tên : **TONY HOANG**
 - b. Relationship
Liên hệ gia đình : **Anh bà con cô cậu ruột (My cousins)**
 - c. Address
Địa chỉ

Closest Relative in Other Foreign Countries/
Hàng thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, Tên : ĐANG QUANG DINH
b. Relationship
Mối hệ gia đình : Em con của chú (My cousins)
c. Address
Địa chỉ :

Complete Family Listing (Living/Dead)
Danh Sách Toàn Thể Gia Đình (Sống/Chết)

Name
Họ, Tên

Address
Địa chỉ

1. Father
Cha : NGÔ NHƯN TỬ (Sống) 52/5 Hai Bà Trưng Thị xã Thủ Đức một Sông Bé
2. Mother
Mẹ : TÔ THỊ ĐET (Sống) 52/5 Hai Bà Trưng Thị xã Thủ Đức một Sông Bé
3. Spouse
Vợ/chồng : NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT 52/5 B Hai Bà Trưng Thị xã Thủ Đức một Sông Bé
4. Former Spouse (If any)
Vợ/chồng Trước (nếu có) : Không
5. Children
Con cái :
 - (1) Ngô + Phụng Mai 52/5 B Hai Bà Trưng Thị xã Thủ Đức một Sông Bé
 - (2) Ngô Quang Minh 52/5 B Hai Bà Trưng Thị xã Thủ Đức một Sông Bé
 - (3)
 - (4)
 - (5)
 - (6)
 - (7)
 - (8)
 - (9)
 - (10)

Siblings

- Anh Chị Em :
 - (1) Ngô nhơn Đức 52/5 A Hai Bà Trưng Thủ Đức một
 - (2) Ngô thị Kim Cúc 52/5 Hai Bà Trưng Thủ Đức một
 - (3) Ngô nhơn Hiền "
 - (4) Ngô + Tuyết Nga "
 - (5) Ngô nhơn Nghiê "
 - (6) Ngô nhơn Tài "
 - (7) Ngô nhơn Lôi "
 - (8) Ngô + Kim Lan "
 - (9)
 - (10)

Employment by U.S Government Agencies or Other U.S Organizations of you or your Spouse
Bạn hoặc Vợ/Chồng đã có lần việc cho công sở của Chính phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ

1. Name of Person Employed :
Họ Tên Nhân viên :
2. Dates : From : To :
Ngày, Tháng, Năm Từ : 1 2 3 4

3. Title of (Last) Positions Held

Chức vụ công việc : 1
2
3
4

4. Agency/Company/Office

Sở/Hàng/Văn-phòng : 1
2
3
4

5. Name of (Last) Supervisor

Tên họ người Giám Thị : 1
2
3
4

6. Reason for Leaving

Lý do ra đi : 1
2
3
4

7. Training for Job in Vietnam :

Hoàn nghiệp huấn luyện tại Việt Nam :

7. Service with GVN or RMAF by You Or Your Spouse

Ban Hùng và chồng đi công vụ với Chính phủ Việt Nam

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham gia : NGÔ NHƠN HẠNH Số quân 62/137618

2. Dates :

Ngày, tháng, năm 1965

From :

To : 1965

To

Ngày : 30 - 4 - 1975

3. Last Rank

Cấp bậc cuối cùng

: Đại úy Đại đội trưởng Đại đội chủ lực

4. Ministry/Office/Military Unit

Sở/Sở/Ban vị/Binh Cảnh

: Tiểu đoàn 353 Tiểu khu Bình Dương / Bộ binh

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người Giám Thị/Gi Quan

Chỉ huy

Thiếu tá Trần Văn Phấn

6. Reason for Leaving

Lý do ra đi

: Thực chính sách của 2 nước Việt Nam và Mỹ

7. Name of American Advisor (a)

Họ tên Cố Vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam :

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ

Tại Việt Nam

9. U.S. Awards or Certificates :

Giấy khen hoặc chứng thư do Hoa Kỳ cấp :

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available ? Yes No).

(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo bất cứ Văn bằng, Giấy khen, hoặc Chứng thư nào có .
Đang có sẵn không ? Có Không .)

Bảng tổng lục cấp quân đoàn

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse

Bạn Học Vt/chồng đã huấn luyện ở Ngoại Quốc

1. Name of Student/Trainee :

Họ Tên Sinh Viên/Người được huấn luyện :

2. School and School, Address :

Trường và địa chỉ nhà trường :

3. Dates :

Ngày, tháng, năm

From

To :

To

To :

4. Description of Courses :

Mô tả ngành học :

5. Who paid for training ? :

Ai chi trả chương trình huấn luyện ? :

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available ? Yes No
(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bận có hay không ? Có Không

H. Re-education of You or Your Spouse

Bạn Học Vt/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of Person in Reeducation :

Họ tên người đi học tập cải tạo :

NGÔ NHƠN HẠNH

2. Total time in Reeducation :

years

months

Tổng cộng thời gian học tập cải tạo : 07 năm 10 tháng

Days

Ngày tại Hà Nội

trại Thanh Cẩm

3. Still in Reeducation ?

Yes

No

Vẫn còn học tập cải tạo ?

có

không

• (If released, we must have a copy of your release certificate.)

• (Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks ?

Được Chủ phụ thuộc

(Xin đình cư tại Mỹ theo chính sách của 2 nước Việt Nam và Mỹ)

To ask for making our home permanently in the United State of America from the policy of two countries the Socialist Republic of Vietnam and the U.S.A.

Signature

Ký tên :

Chau

Date

Ngày : 26 - 7 - 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này

- giấy ra trại

- 01 câu hỏi cho người nộp đơn

- 01 hôn thú

- 1 tờ

- 01 khai sinh + hôn

Mail this form to :

Orderly Departure Program Office
127 Panjabam Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 1020, Thailand

VIỆT NAM CÔNG HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG
~~CHAU-THANH~~

QUẬN ~~PHÚ-CƯỜNG~~

XÃ : ~~73~~

Số hiệu : _____

*

TRÍCH - LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THỨ

Ngô nhơn Hạnh

Tên, họ người chồng **quân nhân**

nghề-nghiep **ba mươi một tám một ngàn chín trăm**

sinh ngày **phủ-ương** tháng **phủ-ương** năm **ba mươi hai.**

tại **137/2 Trưng-Vương (Bình-dương)**

cur-sở tại **..**

tạm-trú tại **Ngô nhơn tử (sống)**

Tên, họ cha chồng **Tô thị Dọt (sống)**
(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng **Nguyễn thị Bạch Tuyết**
(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ **Nội trợ**

nghề-nghiep **mười bốn năm một ngàn chín trăm**

sinh ngày **Đông Sơn (Đỗ sống)** tháng **Đông Sơn (Đỗ sống)** năm **ba mươi lăm.**

tại **18/5 Bùi ngươn Ngãi (Bình-dương)**

cur-sở tại **..**

tạm-trú tại **Nguyễn văn Hà (chết)**

Tên, họ cha vợ **Lương thị Cầm (chết)**
(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ **ngày mười bốn tháng năm, năm một ngàn chín**
(Sống chết phải ghi rõ) **trăm bảy mươi một.**

— Ngày cưới **..**

MIỄN THỊ THỰC

THÔNG TƯ SỐ 4386-BNV/HQ/29

Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế **..**

ngày **tháng** năm **..**

tại **..**

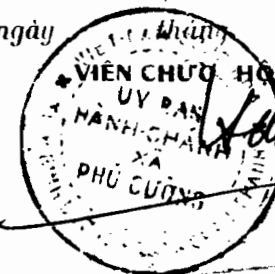
phủ-ương

Đến y bốn 03 hành

2

, ngày

năm 197



NGUYỄN THỊ HAI
Ủy viên Hộ tịch

KHAI SANH

Số hiệu 820



ĐƯA NHỎ

Tên, họ Ngô-nhơn-Hạnh Phái Masculin
 Sinh ngày Le 31 tháng AOÛT
 Năm 1942

Tại Hôpital Thudamot

CON CỦA

Cha (tên, họ) Ngô-nhơn-Tú
 Tuổi " Nghề Commerçant
 Trú tại Phủ-cường
 Mẹ (tên, họ) Đỗ-thị-Đet
 Tuổi " Nghề Commerçante
 Trú tại Phủ-cường

Vợ (chánh hay thứ) Premier rang

NGƯỜI KHAI

Lập theo lời khai của "
 Tên, họ Docteur Servain (Médecin)
 Tuổi "
 Trú tại Thudamot

NGƯỜI CHỨNG

Tên, họ Nguyễn-thị-Quý
 Tuổi " Nghề Sage femme
 Trú tại Phủ-cường
 Tên, họ Ngô-thị-Giỏi
 Tuổi " Nghề Sage femme
 Trú tại Phủ-cường

Tại Thudamot, ngày 1er Septembre 1942
Phủ-cường, ngày 21 tháng 7 Ann 1953

Người khai,

Uy-viên hộ-liệt,

Chúng,

Ký tên : Servain Vương-văn-Ngo
 và đóng dấu (ký tên)

Ký tên: Quý
 và Giỏi

Sao lục y của chính

hủ-cường, ngày 7 tháng 2 năm 1957

Đại-Diện Xa,



Kiểm thử và nhận theo chữ ký của

Đỗ-thị-Đet Đông-gia Phủ-cường
 Ký trên ngày
 Thudamot ngày 8-2-1957
 Quận Trưởng Châu thành



TỔ-VĂN-QU

thủ các sự Hành chính Trước mặt :

Phở San Thanh

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ GÒCÔNG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Đồng-Sơn

Gò-Công

(NAM-PHẦN)
(Sud Viêt - Nam)

NĂM 1945
(Année)

SỐ HIỆU 110
(Acte No)



Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYỄN-THỊ BẠCH-TUYẾT
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	NỮ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 14 tháng 5 đl. 1945
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Đồng-Sơn
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-văn-Hà
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Giáo-viên
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Đồng-Sơn
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Lương-thị-Cần
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	/
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Đồng-Sơn
Vợ chánh hay thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi _____
(Nous)

Chánh-án Toà (KHÔI THỊ THỰC)
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông _____
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

_____, ngày 196

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)



ngày 07/08/1967

CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF

Lương-văn-Khương

Giá tiền: 15000
(Cout)

Biên-lai số: 7402 N/N/5
(Quittance No)

VIỆT NAM CỘNG HÒA
TỈNH BÌNH DƯƠNG

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Xã Phú Cường
Đã kiểm đúng trong bộ
End

Năm 1972

Số hiệu 1143



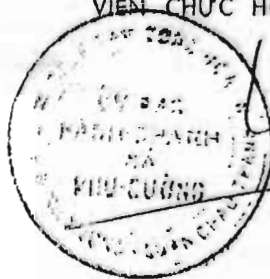
Tên, họ ấu nhi.	NGÔ THỊ PHƯƠNG MAI
Phái.	Nữ
Sanh	Ngày hai mươi lăm tháng ba năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai
(Ngày, tháng, năm)	
Tại	Phú Cường
Cha	NGÔ NHƠN HẠNH
(Tên, họ)	Quân nhân
Nghề	Phú Cường
Cư trú tại.	NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Mẹ	Nội trợ
(Tên, họ)	Phú Cường
Nghề	
Cư trú tại.	
Vợ	Chánh hôn thú số 73 lập tại Phú Cường
(Chánh hay thứ)	

Chứng minh bản trích lục của Ủy Viên Hộ-Tịch

Xã MIỀN THỊ THỰC
THÔNG TƯ SỐ 4386-BNV/HG/29
ngày tháng năm 1972
T.L. QUẬN TRƯỞNG

Trích y bản chánh:

Phú Cường, ngày 29 tháng 03 năm 1972
VIÊN CHỨC HỘ-TỊCH,



NGUYỄN-THỊ-HAI
Ủy-Viên Hộ-Tịch



CHỨNG THỰC SÁCH V 02/03/72
Tài Xổ...
ĐỒNG CHỨC...
BAN SÁCH V...
Ngày 23... 7.12.1972



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

QUẬN Châu-Anh

Xã Phú-Lương

Số liệu 2138

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

lập ngày 15 tháng 06 năm 1973

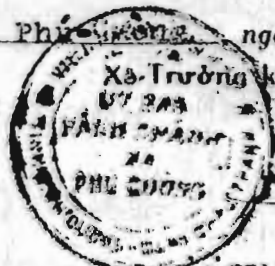
Hồ sơ quân nhân



Tên họ đưa trẻ . . .	Ngô quang Minh
Con trai hay con gái .	Nam
Ngày sinh	Ngày mùng 04 tháng sáu, năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba.
Nơi sinh	Phú-Lương
Tên họ người cha . . .	Ngô nhơn Hạnh
Tên họ người mẹ . . .	Nguyễn thị Bạch Tuyết
Vợ chánh hay không có hôn thú	Chánh, Hôn thú số 73 lập tại Phú-Lương
Tên họ người đồng khai .	Ngô nhơn Hạnh

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

Phú-Lương ngày 16 tháng 06 năm 1973



Xã-Trưởng kiểm Ủy-Viên Hộ-Tịch.

ỦY BAN

PHÚ LƯƠNG

Xã

PHÚ LƯƠNG

LE-VAN-NEN

Xã-Trưởng Kiểm Hộ-Tịch

MIỄN THỊ THỰC

THÀNH TỰU 4225-CHIA/M.29



Missive

413

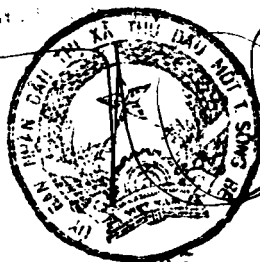
•

api may mid-

43

7

SK



Kim

505 506

From = Ngõ Nhon Hauh 52/5 B Hai Bà Trưng
Thị xã Thủ Đức một
Tỉnh Sông Bé

R

3 9 1

7695

TC = KHUC MINH THU

PC BCX 5454 Arlington

VA 22 265 - 6635

U-S-A

AUG 11 1988

